

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2023

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồ

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Số M ấp M, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 192A, Quốc Lộ 60, xã Sơn Đông, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng H trình bày:

Bà và ông Trần Văn T kết hôn với nhau năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/7/2019. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cách sống, không phù hợp về lối sống vùng miền nên thường xuyên cự cãi nhau. Ông T không cho bà đi làm mà ở nhà tự chăm sóc con không được thuê người khác. Ông T mở tiệm massage nên bà không thích nhưng ông T vẫn cương quyết không bỏ nghề này. Vợ chồng đã ly thân với nhau được 03 năm. Hiện tại, bà xác định mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Phương A, sinh ngày 09/3/2019 và Trần Lan A, sinh ngày 18/6/2021. Sau khi khi hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có;

Ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án nên không có lời trình bày:

Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn không thực hiện đúng pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án thấy rằng: Bà H và ông T kết hôn và đăng ký kết hôn với nhau hợp pháp. Mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã xảy ra, nay bà H xin ly hôn, ông T không đến Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H. Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Phương A, sinh ngày 09/3/2019 và Trần Lan A, sinh ngày 18/6/2021. Đề nghị sau khi ly hôn bà H được tiếp tục nuôi 02 con chung, ghi nhận bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà H khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện cư trú tại xã Sơn Đông, thành phố BT nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải và công bố chứng cứ nhiều lần cho ông T nhưng ông T vẫn không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ cho ông T nhiều lần tham dự phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến, không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là đúng quy định pháp luật.

[3] Bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Trần Văn T kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/7/2019 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H là do bất đồng quan điểm trong cách sống do khác biệt nhau về vùng miền nên thường xuyên cự cãi nhau. Bà và ông T đã ly thân với nhau được 03 năm. Hiện tại, bà xác định mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông T.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T thực tế đã xảy ra, bà H có đơn yêu cầu xin ly hôn ông T, Tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần đến Tòa án để hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy ông T có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[5] Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Phương A, sinh ngày 09/3/2019 và Trần Lan A, sinh ngày 18/6/2021. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay 02 con chung còn nhỏ hiện nay đang sống chung với bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H khi ly hôn bà H được tiếp tục nuôi 02 con chung. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Ông Trần Văn T được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà H khai tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[9] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng bà Huỳnh Thị Hồng H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Hồng H được ly hôn ông Trần Văn T.
- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Trần Văn T có 02 con chung tên Trần Thị Phương A, sinh ngày 09/3/2019 và Trần Lan A, sinh ngày 18/6/2021. Sau khi ly hôn, bà Huỳnh Thị Hồng H được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung. Ghi nhận bà Huỳnh Thị Hồng H không yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Văn T được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Hồng H khai tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Hồng H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng, bà Huỳnh Thị Hồng H phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Huỳnh Thị Hồng H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002971 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP BT;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND xã QT, h.QL, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bé Em

Dương Thị Thanh Thúy

Nguyễn Thị Đoan Trang

